

DẦU KHÍ



TẠP CHÍ CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM - PETROVIETNAM

■ SỐ 2 - 2020

ISSN-0866-854X





TỔNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Quốc Thập

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Lê Mạnh Hùng

TS. Phan Ngọc Trung

BAN BIÊN TẬP

TS. Trịnh Xuân Cường

TS. Nguyễn Minh Đạo

CN. Vũ Khánh Đông

TS. Nguyễn Anh Đức

ThS. Nguyễn Ngọc Hoàn

ThS. Lê Ngọc Sơn

TS. Cao Tùng Sơn

KS. Lê Hồng Thái

ThS. Bùi Minh Tiến

ThS. Nguyễn Văn Tuấn

TS. Phan Tiến Viên

TS. Trần Quốc Việt

TS. Nguyễn Tiến Vinh

THƯ KÝ TÒA SOẠN

ThS. Lê Văn Khoa

ThS. Nguyễn Thị Việt Hà

THIẾT KẾ

Lê Hồng Văn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, XUẤT BẢN

Viện Dầu khí Việt Nam

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Tầng M2, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam - 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024-37727108 | 0982288671 * Fax: 024-37727107 * Email: tcdk@pvn.vn

Ảnh bìa: Hoạt động dầu khí ngoài khơi Việt Nam. Ảnh: Phan Ngọc Trung



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Thay mặt Bộ Chính trị, ngày 11/2/2020, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong lĩnh vực dầu khí, Bộ Chính trị yêu cầu đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực:ềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; nâng cao hệ số thu hồi, tận thu các mỏ nhỏ, khối sét cạn biển...

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 55-NQ/TW về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia là nền tảng, đồng thời là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên phát triển năng lượng nhanh và bền vững, đi trước, đi kèm, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội có

4 **ĐẦU KHÍ** SỐ 2020



XU HƯỚNG SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG TẠI CÁC NHÀ MÁY CHẾ BIẾN DẦU KHÍ

Tại Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2017 - 2019, ngày 5/3/2020, Hội đồng Khoa học và Công nghệ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã xem xét, đánh giá hiện trạng và xu hướng sử dụng hiệu quả năng lượng các nhà máy lọc hóa dầu. Ngoài việc duy trì văn hóa an toàn, ổn định, hiệu quả, các đơn vị cần mạnh dạn đầu tư, cải tiến/nâng cấp để đạt phát triển giảm hiệu suất năng lượng. Tiếp tục triển khai các chương trình nghiên cứu dài hạn liên quan đến tối ưu hóa trong sản xuất, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và phát triển bền vững.


Ban Công nghiệp khí và Lọc hóa dầu PVN cho biết, theo dự báo của một số tổ chức quốc tế (như IEA, Bloomberg), tốc độ tăng trưởng nhu cầu xăng dầu toàn cầu được dự báo giảm trong khoảng 10 - 20 năm tới do tiến bộ trong việc tiết kiệm nhiên liệu đồng cơ và sử dụng thế bền vững, nhiên liệu sạch; công suất các nhà máy lọc hóa dầu tăng khoảng 15% trong giai đoạn 2018 - 2040 từ 100 triệu thùng/ngày lên khoảng 115 triệu thùng/ngày, dẫn đến dư thừa công suất lọc dầu. Do đó, xu hướng nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng năng lượng có hiệu quả là yêu cầu thiết yếu để các nhà máy lọc hóa dầu có thể tồn tại và cạnh tranh được.

Tại PVN, hoạt động tiết kiệm sử dụng năng lượng hiệu quả nằm trong chương trình tổng thể tối ưu hóa năng cao hiệu quả hoạt động các nhà máy khu sau gôm: Tối ưu chi phí, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu/năng lượng đầu vào; tìm kiếm nguồn nhiên liệu/năng lượng giá rẻ thay thế; sử dụng năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, sinh khối...); từ khâu công tác thương mại mua nguyên liệu/năng lượng đầu vào, tối ưu, đa dạng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra tối ưu cơ cấu sản phẩm, nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; thực hiện chương trình tối ưu, tiết kiệm năng lượng.

Việc thực hiện chương trình tối ưu, tiết kiệm năng lượng tại các nhà

19 **ĐẦU KHÍ** SỐ 2020


NGHIÊN CỨU KHOA HỌC



THĂM DÒ - KHAI THÁC DẦU KHÍ


24. Các dấu hiệu trực tiếp dự báo sự tồn tại của khí hydrate từ tài liệu địa chấn trên khu vực nước sâu thềm lục địa Việt Nam

30. Ứng dụng mô hình địa cơ học và ứng suất tối hạn xác định hướng khe nứt mở trong đá móng



HÓA CHẾ BIẾN DẦU KHÍ

38. Tinh chỉnh và tối ưu các thông số vận hành Phân xưởng PRU nhằm tối đa thu hồi sản phẩm propylene trong điều kiện phân xưởng vận hành ở công suất cao 110 - 115% thiết kế



CÔNG NGHỆ DẦU KHÍ

46. Ứng dụng công nghệ siêu âm độ nhạy cao cho việc kiểm tra, giám sát liên tục ăn mòn bên trong đường ống, bể chứa dầu khí



24



KINH TẾ - QUẢN LÝ DẦU KHÍ

53. Mô hình tổ chức quản lý hoạt động dầu khí thượng nguồn của Petronas

FOCUS

- Orientations for national energy development strategy until 2030, vision towards 20454
- Scientific and Technological Council: PVN aims to develop by science, technology and innovation 14
- Orientations for oil and gas exploration and production until 2035 ... 16
- Trends of energy efficiency in oil and gas processing plants 19
- Gas compression platform of Rong field hits production landmark of 3 billion m³ of gas22

RESEARCH AND DEVELOPMENT

- Direct indicators for predicting gas hydrate occurrence by seismic data in deepwater areas of Vietnam’s continental shelf24
- Applying geomechanical model and critical stress to identify open fractures in basement reservoir30
- Adjustment and optimisation of operating parameters of propylene recovery unit to maximise propylene recovery while operating at 110 - 115% of design capacity 38
- Application of high-sensitive ultrasound technology in continuous corrosion monitoring inside pipelines and tanks in the petroleum industry46
- Petronas’ upstream management model53

NEWS

- Head of Central Economic Committee visits Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex62
- Jadestone Energy continues to invest in petroleum projects in Vietnam62
- VPI and HQGANO work together to produce VPI-GEL antibacterial gels 63
- PVEP formulates development strategy until 203564
- PV Power authorises Citibank and INGBank to arrange funding for Nhon Trach Power Project 3 & 465
- ADNOC invests USD 1.65 billion in Dalma gas field development67
- Equinor discovers oil at Sigrun East prospect in the North Sea68



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Thay mặt Bộ Chính trị, ngày 11/2/2020, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong lĩnh vực dầu khí, Bộ Chính trị yêu cầu đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; nâng cao hệ số thu hồi, tận thu các mỏ nhỏ, khối sót cận biên...

Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 55-NQ/TW về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia

của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia là nền tảng, đồng thời là tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội.

Ưu tiên phát triển năng lượng nhanh và bền vững, đi trước một bước, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội có



Mô Bạch Hồ. Ảnh: PVN

ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển năng lượng quốc gia phải phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xu thế hội nhập quốc tế; nhanh chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân tham gia phát triển năng lượng; kiên quyết loại bỏ mọi biểu hiện bao

cấp, độc quyền, cạnh tranh không bình đẳng, thiếu minh bạch trong ngành năng lượng. Phát triển đồng bộ, hợp lý và đa dạng hóa các loại hình năng lượng; ưu tiên khai thác, sử dụng triệt để và hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn năng lượng hóa thạch trong nước, chú trọng mục tiêu bình ổn, điều tiết và yêu cầu dự trữ năng lượng quốc gia; ưu tiên phát triển điện khí, có lộ trình giảm tỷ trọng điện than một cách hợp lý; chủ động nhập khẩu nhiên liệu từ nước ngoài cho các nhà máy điện. Phân bổ tối ưu hệ thống năng lượng quốc gia trong tất cả

các lĩnh vực trên cơ sở lợi thế so sánh của từng vùng, địa phương. Chú trọng nghiên cứu, ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong phát triển tất cả các phân ngành, lĩnh vực năng lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành năng lượng; từng bước làm chủ công nghệ hiện đại, tiến tới tự chủ sản xuất được phần lớn các thiết bị năng lượng. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường phải được xem là quốc sách quan trọng và trách nhiệm của toàn xã hội. Tăng cường kiểm toán năng lượng; xây dựng cơ chế, chính sách đồng bộ, chế tài đủ mạnh và khả thi để khuyến khích đầu tư và sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, góp phần thúc đẩy năng suất lao động và đổi mới mô hình tăng trưởng.

Mục tiêu tổng quát là bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao với giá cả hợp lý cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Ngành năng lượng phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất, nhập khẩu năng lượng hợp lý; triệt để thực hành tiết kiệm và sử dụng hiệu quả năng lượng. Chủ động sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.

Bộ Chính trị đề ra một số mục tiêu cụ thể: Cung cấp đủ nhu cầu năng lượng trong nước, đáp ứng cho các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030; trong đó, năng lượng sơ cấp đến năm 2030 đạt khoảng 175 -

195 triệu TOE (tấn dầu quy đổi), đến năm 2045, đạt khoảng 320 - 350 triệu TOE; tổng công suất của các nguồn điện đến năm 2030 đạt khoảng 125 - 130GW, sản lượng điện đạt khoảng 550 - 600 tỷ KWh. Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20% vào năm 2030; 25 - 30% vào năm 2045. Tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng đến năm 2030 đạt mức 105 - 115 triệu TOE, năm 2045 đạt mức 160 - 190 triệu TOE. Cường độ năng lượng sơ cấp năm 2030 đạt từ 420 - 460 kgOE/1.000 USD GDP, năm 2045 từ 375 - 410 kgOE/1.000 USD GDP.

Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng. Đến năm 2030, độ tin cậy cung cấp điện năng thuộc Top 4 nước dẫn đầu ASEAN, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc Top 3 nước dẫn đầu ASEAN.

Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu trong nước; bảo đảm mức dự trữ chiến lược xăng dầu đạt tối thiểu 90 ngày nhập ròng. Đủ năng lực nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) khoảng 8 tỷ m³ vào năm 2030 và khoảng 15 tỷ m³ vào năm 2045. Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường đạt khoảng 7% vào năm 2030 và khoảng 14% vào năm 2045. Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản phát triển bình thường ở mức 15% vào năm 2030, lên mức 20% vào năm 2045.

Tầm nhìn đến năm 2045: Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, phù hợp với thể chế kinh

tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; các phân ngành năng lượng phát triển bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống hạ tầng năng lượng phát triển đồng bộ, hiện đại, khả năng kết nối khu vực và quốc tế được nâng cao; chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản trị ngành năng lượng đạt trình độ tiên tiến của một nước công nghiệp phát triển hiện đại.

Về nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, Bộ Chính trị yêu cầu phát triển các nguồn cung năng lượng sơ cấp theo hướng tăng cường khả năng tự chủ, đa dạng hóa, bảo đảm tính hiệu quả, tin cậy và bền vững.

Đối với lĩnh vực dầu khí, đẩy mạnh công tác tìm kiếm, thăm dò nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, nước sâu, xa bờ gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển; nâng cao hệ số thu hồi, tận thu các mỏ nhỏ, khối sót cận biên. Rà soát, có chiến lược chủ động và hiệu quả trong hợp tác về tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài. Phát triển công nghiệp khí; ưu tiên đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhập khẩu và tiêu thụ khí tự nhiên hóa lỏng (LNG). Tiếp tục thu hút đầu tư trong lĩnh vực lọc - hóa dầu theo hướng chế biến sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm xăng dầu, chủ động đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu. Đối với dầu khí đá phiến, khí hydrate (băng cháy), tích cực nghiên cứu, đánh giá sâu hơn về địa chất và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để mở rộng phạm vi khảo sát; sớm triển khai đánh giá tổng thể, đẩy nhanh khai thác thử nghiệm khi điều kiện cho phép.

Về than, xây dựng mới chiến lược



phát triển ngành than gắn với nhiệm vụ đầu tư hiệu quả ra nước ngoài và nhập khẩu than dài hạn. Thực hiện dự trữ than phù hợp, đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất điện. Mở rộng tìm kiếm, thăm dò, nâng cao chất lượng công tác đánh giá các cấp trữ lượng và tài nguyên. Đẩy mạnh khai thác than trong nước trên cơ sở bảo đảm an toàn, hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên; khẩn trương nghiên cứu công nghệ để có thể khai thác bể than Đồng bằng sông Hồng; nâng cao hệ số thu hồi than sạch trong khai thác hầm lò. Triển khai nhanh việc xây dựng hệ thống cảng, kho dự trữ và trung chuyển than quy mô lớn; tăng cường cơ giới hóa, hiện đại hóa



Mô Sư Tử Trắng. Ảnh: PVEP

thiết bị sàng, tuyển và khai thác than. Rà soát, đánh giá nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tối ưu hóa các giải pháp cung cấp than ổn định cho sản xuất điện phù hợp với cơ chế thị trường.

Về năng lượng tái tạo, xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch. Ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn. Hình thành và phát triển một số trung tâm năng lượng tái tạo tại

các vùng và các địa phương có lợi thế. Sớm nghiên cứu, đánh giá tổng thể về tiềm năng và xây dựng định hướng phát triển năng lượng địa nhiệt, sóng biển, thủy triều, hải lưu; triển khai một số mô hình ứng dụng, tiến hành khai thác thử nghiệm để đánh giá hiệu quả. Thực hiện nghiên cứu công nghệ, xây dựng một số đề án thử nghiệm sản xuất và khuyến khích sử dụng năng lượng hydro phù hợp với xu thế chung của thế giới. Về các nguồn năng lượng khác, kịp thời nắm bắt các thông tin liên quan để nghiên cứu, phát triển trong điều kiện cho phép về tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính và những yếu tố cần thiết khác.

Bộ Chính trị yêu cầu phát triển nhanh và bền vững ngành điện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam cho giai đoạn mới. Phát triển nhanh và bền vững các nguồn phát điện với cơ cấu và phân bố hợp lý, bảo đảm an toàn, tin cậy, ổn định theo hướng đa dạng hóa, chú trọng nâng cao hệ số công suất khả dụng và có dự phòng công suất phù hợp; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái. Đối với thủy điện, huy động tối đa các nguồn thủy điện hiện có; phát triển có chọn lọc, bổ sung một số thủy điện nhỏ và vừa, thủy điện tích năng; có chiến lược hợp tác phát triển thủy điện gắn



với nhập khẩu điện năng dài hạn từ nước ngoài. Đối với điện gió và điện mặt trời, ưu tiên phát triển phù hợp với khả năng bảo đảm an toàn hệ thống với giá thành điện năng hợp lý; khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và trên mặt nước; xây dựng các chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam. Đối với nhiệt điện, khuyến khích các dự án nhiệt điện đồng bộ từ khâu cung ứng, lưu trữ nhiên liệu và xây dựng nhà máy trên cơ sở giá bán điện xác định thông qua đấu thầu; phát triển nhiệt điện khí theo hướng ưu tiên sử dụng nguồn khí trong nước; chú trọng phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng LNG, đưa điện khí

dẫn trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, hỗ trợ cho điều tiết hệ thống. Phát triển nhiệt điện than ở mức hợp lý theo hướng ưu tiên những tổ máy công suất lớn, hiệu suất cao, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại như công nghệ siêu tới hạn trở lên; bảo đảm thực hiện đầy đủ pháp luật về an toàn môi trường sinh thái, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế; rà soát tổng thể và có kế hoạch sớm triển khai nâng cấp công nghệ của các nhà máy điện than hiện có để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; kiên quyết đóng cửa đối với các nhà máy không thực hiện nâng cấp công nghệ theo quy định. Đối với điện sinh khối, rác thải và chất thải rắn, khai thác tối đa nguồn điện sinh khối đồng phát; tăng cường

phát triển các nguồn điện từ rác thải đô thị, chất thải rắn và sinh khối.

Đầu tư hiện đại hóa ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường điện, có khả năng tích hợp quy mô lớn nguồn năng lượng tái tạo; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện. Tích cực thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải; quản lý chặt chẽ hơn cường độ tiêu thụ điện năng; giảm thiểu tối đa tổn thất điện năng; hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích và thúc đẩy triển khai tích trữ điện năng. Hiện đại hóa hệ thống điều độ điện, từng bước triển khai áp dụng những công nghệ giám sát kỹ thuật tự động, thông minh;



Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Ảnh: BSR

nghiên cứu ứng dụng truyền tải siêu cao áp, truyền tải một chiều trong ngành điện. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế tài chính và huy động vốn đặc biệt cho đầu tư phát triển ngành điện. Rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm soát và điều phối thị trường điện lực. Có cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất... Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh, cơ chế hợp đồng mua bán điện trực tiếp giữa nhà sản xuất và khách hàng tiêu thụ, cơ chế đấu thầu, đấu giá cung cấp năng lượng phù hợp, đặc biệt trong các dự án đầu tư năng lượng tái tạo, năng lượng mới; minh bạch giá mua bán điện. Có cơ chế khuyến khích thu hút

vốn ngoài nhà nước đầu tư xây dựng vào hệ thống truyền tải điện quốc gia. Vận hành hệ thống truyền tải điện quốc gia độc lập dưới sự kiểm soát của Nhà nước.

Về cơ cấu lại các ngành và khu vực tiêu thụ năng lượng song song với thực hiện chính sách về sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả, Bộ Chính trị yêu cầu cơ cấu lại các ngành tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là khu vực đầu tư nước ngoài để giảm thiểu cường độ năng lượng. Có chính sách khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng và có hiệu quả về kinh tế - xã hội. Rà soát, điều chỉnh phân bổ các nguồn tiêu thụ năng lượng linh hoạt theo hướng phân tán, hạn chế việc tập trung quá mức vào một số địa phương, kết hợp chặt chẽ với phân bố lại không gian phát triển công nghiệp và đô thị trên phạm vi cả nước, từng vùng và địa phương. Rà soát, hoàn thiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2020 - 2030. Triển khai áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng hiệu quả năng lượng đối với những lĩnh vực, ngành và sản phẩm có mức tiêu thụ năng lượng cao. Có chính sách khuyến khích các hộ tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, nhất là trong công nghiệp và giao thông; thúc đẩy phát triển các phương tiện giao thông sử dụng điện năng phù hợp với xu thế chung trên thế giới.

Về phát triển hạ tầng năng lượng bền vững, kết nối khu vực, nâng cao nội lực ngành công nghiệp chế tạo, dịch vụ phục vụ ngành năng lượng, Bộ Chính trị yêu cầu có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng năng lượng bền vững; chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng xuất, nhập khẩu năng lượng, kết nối khu vực. Xác

định danh mục hạ tầng năng lượng có thể dùng chung và xây dựng cơ chế dùng chung phù hợp với cơ chế thị trường. Xóa bỏ mọi độc quyền, rào cản bất hợp lý trong sử dụng cơ sở vật chất và dịch vụ hạ tầng năng lượng; có cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải điện, tách bạch với độc quyền nhà nước về truyền tải điện. Thực hiện xã hội hóa tối đa trong đầu tư và khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, dịch vụ ngành năng lượng, bao gồm cả hệ thống truyền tải điện quốc gia trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thúc đẩy nhanh chuyển đổi số trong ngành năng lượng; xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về phát triển hạ tầng năng lượng thông minh; hoàn thiện cơ chế, xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện thống kê năng lượng quốc gia phục vụ công tác quản lý, điều hành hiệu quả ngành năng lượng. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển công nghiệp chế tạo và dịch vụ phục vụ ngành năng lượng theo hướng tăng cường nội lực, hướng đến xuất khẩu; ưu tiên phát triển các ngành chế tạo máy, thiết bị điện, dầu khí, dịch vụ dầu khí. Hoàn thiện khung pháp lý, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai mô hình các công ty dịch vụ năng lượng. Khẩn trương xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách khuyến khích nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong ngành năng lượng; bảo đảm thực hiện tốt các yêu cầu, chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ nội địa hóa đối với các nhà máy điện nói riêng và dự án năng lượng nói chung. Hoàn thiện chính sách đặt hàng sản xuất của Nhà nước để khuyến khích các doanh nghiệp trong nước thực hiện những công trình, dự án phức tạp, kỹ thuật cao trong ngành năng lượng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Bộ Chính trị yêu cầu cơ cấu lại,

đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng; khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia xã hội hóa phát triển năng lượng. Cơ cấu lại toàn diện các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng theo hướng tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, có thế mạnh; tách bạch chức năng kinh doanh với chức năng quản lý nhà nước; áp dụng các mô hình và thông lệ quản trị tiên tiến, nâng cao hệ số tín nhiệm quốc tế, triệt để thực hiện công khai, minh bạch hóa trong hoạt động; chú trọng nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hạ tầng năng lượng quốc gia. Hoàn thiện các quy định về đánh giá các nguồn lực, tài sản phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn; xử lý, tái cơ cấu triệt để các dự án, doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, thua lỗ trong lĩnh vực năng lượng. Nghiên cứu, triển khai thí điểm cơ chế bán có thời hạn hoặc cho thuê dài hạn đối với các nhà máy điện, kho nhiên liệu, nhà máy lọc dầu... thuộc sở hữu của doanh nghiệp nhà nước. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh các cơ chế, chính sách đặc thù cho một số dự án năng lượng quan trọng, đặc biệt đối với các dự án đầu tư nguồn điện cấp bách; bảo đảm đầy đủ vốn cho các doanh nghiệp năng lượng nhà nước thực hiện các mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tạo lập môi trường thuận lợi, minh bạch; công khai quy hoạch, danh mục các dự án đầu tư, xóa bỏ mọi rào cản để thu hút, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển các dự án năng lượng trong và ngoài nước, chú trọng những dự án phát điện và các hoạt động bán buôn, bán lẻ điện theo cơ chế thị trường. Tiếp tục khuyến khích, thu hút đầu tư nước ngoài có quy mô, chất lượng và hiệu quả cho ngành năng lượng. Đẩy nhanh

cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước thuộc ngành điện; xây dựng cơ chế đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính để bảo đảm tiến độ các công trình điện.

Bộ Chính trị yêu cầu đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới. Xóa bỏ mọi rào cản để bảo

đảm giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định; không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng, miền; Nhà nước điều tiết hợp lý thông qua các công cụ thị trường (thuế, phí, các quỹ...) và chính sách an sinh xã hội phù hợp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, các công cụ có tính thị trường để đẩy mạnh sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các chính sách về đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, sử dụng mặt nước, chống đầu cơ, trục lợi, lợi ích



nhóm trong lĩnh vực năng lượng. Đổi mới chính sách tài chính theo hướng khuyến khích, thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước; khuyến khích các dự án đầu tư năng lượng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Thực hiện chính sách tín dụng linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn, đặc biệt là các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh. Hoàn thiện chính sách thuế khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo. Xây dựng cơ sở pháp lý để có thể hình thành và vận hành hiệu quả các

quỹ về phát triển năng lượng bền vững, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo hướng xã hội hóa, bảo đảm độc lập về tài chính, không trùng lặp với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước và hạn chế việc làm tăng chi phí hoạt động, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện cơ chế và thực hiện chính sách về tiêu chuẩn tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu đầu tư và cung cấp năng lượng.

Sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực,

sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật khác liên quan đến ngành năng lượng để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường. Nghiên cứu, thực hiện luật hóa việc điều hành giá điện và một số ưu đãi cho dự án được khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực năng lượng. Hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động kiểm soát và điều phối điện lực. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành luật về năng lượng tái tạo. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển năng lượng, đặc biệt trong phân ngành điện, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ và linh hoạt, gắn kết với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và một số ngành khác. Rà soát, điều chỉnh và sớm ban hành các quy hoạch liên quan đến phát triển năng lượng theo Luật Quy hoạch.

Về phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng, Bộ Chính trị yêu cầu hình thành cơ chế liên kết giữa lực lượng nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực năng lượng thông qua các chương trình khoa học và công nghệ; lồng ghép hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển năng lượng. Tạo cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp năng lượng tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển; thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực năng lượng. Tiếp tục triển khai chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia về nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng giai đoạn 2021 - 2030, trọng tâm là nghiên cứu chế tạo thiết bị năng lượng và ứng dụng các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông



Một góc công trình khí. Ảnh: PV GAS

minh, tiết kiệm năng lượng. rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực năng lượng phù hợp với các quy định, tiêu chuẩn quốc tế, có xét đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia liên quan đến việc tái chế, sử dụng chất thải từ quá trình sản xuất năng lượng. Từng bước áp dụng các biện pháp khuyến khích và bắt buộc đổi mới công nghệ, thiết bị trong ngành năng lượng cũng như những ngành, lĩnh vực sử dụng nhiều năng lượng. Xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực tổng thể và các chương trình đào tạo cho những khâu then chốt của ngành năng lượng. Tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu sử dụng trong nước, hướng tới xuất khẩu. Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đã được đào tạo về năng lượng hạt nhân đi đôi với đào tạo nâng cao.

Bộ Chính trị yêu cầu đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tích cực, chủ động xây dựng các đối tác chiến lược để thực hiện mục tiêu nhập khẩu năng lượng trong dài hạn và đầu tư tài nguyên năng lượng ở nước ngoài. Thực hiện chính sách đối ngoại năng lượng linh hoạt, hiệu quả, bình đẳng, cùng có lợi. Mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác năng lượng với các đối tác chiến lược, đối tác quan trọng. Tăng cường quan hệ quốc tế về năng lượng trong tất cả các phân ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế hội nhập, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại, các quan hệ chính trị - ngoại giao thuận lợi để phát triển năng lượng. Khẩn trương xây dựng chiến lược nhập khẩu năng lượng dài hạn song song với khuyến khích đầu tư, khai thác tài nguyên năng lượng ở nước ngoài để góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư dự án năng lượng



ở nước ngoài, trước hết là với các dự án nguồn điện tại một số nước láng giềng để chủ động nhập khẩu điện về Việt Nam. Mở rộng quan hệ đối tác với các công ty đầu tư năng lượng, phát triển công nghệ năng lượng tiên tiến. Tích cực tham gia hợp tác năng lượng tại tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) và khu vực Đông Nam Á (ASEAN); liên kết lưới điện, hoàn thiện cơ chế mua bán điện với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Tiếp tục nghiên cứu kết nối hệ thống khí trong khu vực, triển khai thực hiện khi điều kiện cho phép.

Về thực thi chính sách bảo vệ môi trường ngành năng lượng gắn với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững, Bộ Chính trị yêu cầu nghiên cứu, xây dựng chính

sách thuế carbon thích hợp đối với việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Có cơ chế, chính sách triển khai việc thu hồi, sử dụng khí CO₂. Thực hiện đánh giá hiệu quả việc sử dụng, tái chế tro, xỉ phát sinh trên cơ sở cân đối nhu cầu và khả năng tiêu thụ làm vật liệu xây dựng, nhất là tại khu vực miền Nam. Hoàn thiện khung chính sách, xây dựng và bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về khí thải và chất thải trong ngành năng lượng theo hướng tiệm cận với những tiêu chuẩn của các nước phát triển. Bổ sung quy định sàng lọc dự án đầu tư theo rủi ro về môi trường. Xây dựng quy chế tài chính về môi trường, bảo đảm tính đủ các chi phí về môi trường, xã hội trong đầu tư và giá thành sản phẩm. Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát các đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường



Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 & 2. Ảnh: PVN

cao; xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn môi trường theo quy định của pháp luật. Thông tin tuyên truyền kịp thời và đầy đủ về công tác bảo vệ môi trường trong ngành năng lượng. Xây dựng và triển khai Đề án tích hợp mô hình kinh tế tuần hoàn vào chiến lược phát triển các doanh nghiệp năng lượng. Phát triển hệ thống quản lý và xử lý chất thải trong sản xuất năng lượng với công nghệ tiên tiến, phù hợp với điều kiện nước ta; bảo đảm năng lực tự xử lý các nguồn thải trong các doanh nghiệp năng lượng. Có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp môi trường gắn với ngành năng lượng. Rà soát, điều chỉnh và bổ sung những nội dung liên quan đến ngành năng lượng trong Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chiến lược phát

triển bền vững Việt Nam, Chiến lược biển Việt Nam và các chiến lược khác có liên quan.

Bộ Chính trị yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển ngành năng lượng. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng và cả hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành năng lượng. Các cấp ủy đảng và chính quyền từ Trung ương đến địa phương cần xác định phát triển năng lượng quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, nghiêm túc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Xây dựng cơ chế và khung pháp lý bảo đảm cho việc tuân thủ quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia. Xử lý nghiêm đối với các dự án đầu tư chậm triển khai, làm ảnh hưởng đến an ninh năng lượng quốc gia. Rà soát, hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng. Phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát triển năng lượng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành và thực thi nghiêm túc các quy định pháp luật về năng lượng. Thực hiện tốt vai trò định hướng, xây dựng chính sách gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ thực hiện. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân; mở rộng sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động của chính sách vào quá trình xây dựng và giám sát thực hiện chiến lược, quy hoạch và chính sách phát triển năng lượng quốc gia.

Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật để tạo thuận lợi cho phát triển năng lượng quốc gia theo tinh thần của Nghị quyết; tăng cường giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch và các chính sách phát triển năng lượng quốc gia. Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia và các chiến lược phát triển các phân ngành năng lượng, Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia phù hợp với tinh thần của Nghị quyết; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết; khẩn trương triển khai các cam kết quốc tế trong việc nghiên cứu ứng dụng năng lượng hạt nhân cho mục đích hòa bình; sớm tổng kết rà soát Luật Điện lực và các luật có liên quan để trình Quốc hội sửa đổi những nội dung còn bất cập, nhất là vấn đề quy hoạch, truyền tải điện. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.



HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: PVN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BẰNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam yêu cầu Hội đồng Khoa học và Công nghệ nhiệm kỳ 2020 - 2022 cần tiếp tục kết nối trí tuệ của các chuyên gia trong và ngoài nước, tập trung vào vấn đề dịch chuyển năng lượng và kinh tế xanh; chú trọng công tác chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động dầu khí; tư vấn cho Lãnh đạo PVN trong quá trình rà soát chiến lược phát triển các lĩnh vực cốt lõi, xây dựng chiến lược phát triển mới đến năm 2030 và năm 2045.

Ngày 5/3/2020, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã tổ chức Kỳ họp tổng kết hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ nhiệm kỳ 2017 - 2019 trực tuyến tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Hội đồng đã đánh giá, thảo luận về: Kết quả công tác thăm dò khai

thác dầu khí giai đoạn 2011 - 2019 và định hướng tiếp theo; Sử dụng hiệu quả năng lượng tại các nhà máy chế biến dầu khí; Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ và đề xuất áp dụng tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2022, Hội đồng Khoa học và Công nghệ cũng

như các Tiểu ban trực thuộc sẽ tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi để tư vấn phản biện, xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ dài hạn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tại Kỳ họp, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) đề xuất Tập đoàn Dầu khí



Mỏ Bạch Hổ. Ảnh: PVN

Việt Nam triển khai mô hình đổi mới sáng tạo mở để tận dụng hiệu quả các thành tựu khoa học công nghệ, tri thức trên toàn thế giới và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lấy các doanh nghiệp làm trung tâm để thúc đẩy các hoạt động ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ, quản lý mới vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh, gắn kết hoạt động đổi mới, sáng tạo với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp để khoa học công nghệ thực sự là động lực quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

Để vận hành mô hình và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiệu quả, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cần xây dựng Chiến lược đổi mới sáng tạo với các mục tiêu, lộ trình công nghệ gắn liền



Đoàn Chủ tịch điều hành Kỳ họp tổng kết hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ nhiệm kỳ 2017 - 2019. Ảnh: PVJ

với Chiến lược phát triển của PVN và triển khai 4 nhóm giải pháp trọng tâm gồm: Nâng cao vai trò lãnh đạo của người đứng đầu các đơn vị; phát triển tiềm lực khoa học công nghệ và đổi mới cơ chế, chính sách quản lý hoạt động khoa học công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thiết lập các mối quan hệ hợp tác chiến lược về khoa học công nghệ trong và ngoài nước. Trước mắt, VPI sẽ hợp tác với các đơn vị sản xuất, kinh doanh của PVN triển khai áp dụng phần mềm nhận diện các “điểm nghẽn” trong quá trình vận hành của các nhà máy để xây dựng thành các đầu bài kỹ thuật cụ thể và kêu gọi, tìm kiếm giải pháp công nghệ từ khắp thế giới để triển khai, áp dụng thử nghiệm mô hình đổi mới sáng tạo mở.

Phát biểu chỉ đạo tại Kỳ họp, TS. Phan Ngọc Trung - Thành viên HĐQTV yêu cầu Hội đồng Khoa học và Công nghệ nhiệm kỳ tới cần tiếp tục kết nối trí tuệ của các chuyên gia trong và ngoài nước, tập trung vào vấn đề dịch chuyển năng lượng và kinh tế xanh; chú trọng công tác chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động dầu khí. TS. Phan Ngọc Trung yêu cầu Hội đồng nhanh chóng kiện toàn, tư vấn cho Lãnh đạo Tập đoàn trong quá trình rà soát chiến lược phát triển các lĩnh vực

cốt lõi, xây dựng chiến lược phát triển mới đến năm 2030 và năm 2045 nhân kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước, bám sát Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về “Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Theo TS. Lê Xuân Huyền - Phó Tổng giám đốc PVN, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Công nghệ nhiệm kỳ 2020 - 2022, các thành viên Hội đồng cần chủ động, tích cực hơn nữa trong công tác tư vấn phản biện, kết nối với Hội đồng Khoa học và Công nghệ các đơn vị, để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả cho các nhà máy/công trình dầu khí.

TS. Lê Xuân Huyền cho rằng cần song hành khoa học lý thuyết (dài lâu mới có kết quả) và khoa học ứng dụng (giải quyết ngay các vấn đề nóng), gắn chiến lược phát triển khoa học công nghệ với chiến lược phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Nhiệm vụ trước mắt của Hội đồng là tinh giản bộ máy để tiết giảm chi phí, hoạt động hiệu quả hơn; tập trung vào công tác đánh giá tiềm năng dầu khí khu vực phía Bắc bể Sông Hồng và đề xuất các giải pháp hiệu quả để giải quyết các “điểm nghẽn” về cơ chế, chính sách.

Ngọc Linh



RÀ SOÁT CHIẾN LƯỢC THĂM DÒ KHAI THÁC ĐẾN NĂM 2035

Tại Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2017 - 2019, Hội đồng Khoa học và Công nghệ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã đánh giá kết quả thăm dò khai thác dầu khí giai đoạn 2011 - 2019 và rà soát định hướng chiến lược để phát triển lĩnh vực cốt lõi.



Mô Bạch Hồ, Ảnh: Huy Hùng

năm 2030 đạt khoảng 175 - 195 triệu tấn dầu quy đổi, đến năm 2045 đạt khoảng 320 - 350 triệu tấn dầu quy đổi.

Xác định hoạt động thăm dò khai thác dầu khí gắn liền với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Tập đoàn đang triển khai các giải pháp để tăng cường công tác tìm kiếm thăm dò tài nguyên dầu khí ở trong nước, đồng thời tìm kiếm cơ hội thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài trên cơ sở có hiệu quả kinh tế, có trọng tâm, trọng điểm.

Mục tiêu là đẩy mạnh tận thăm dò các khu vực đang khai thác ở trong nước nhằm tận dụng cơ sở hạ tầng và duy trì sản lượng khai thác; đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, tìm kiếm thăm dò gia tăng trữ lượng, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí ở trong nước; tiếp tục đầu tư tìm kiếm thăm dò khai thác ở khu vực nước sâu, xa bờ khi điều kiện thuận lợi.

Bên cạnh đó, Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò các dạng hydrocarbon phi truyền thống (khí hydrate, khí than, khí nông, khí đá phiến...), các loại bể chứa phi truyền thống, tối ưu việc khoan đan dày, lựa chọn đối tượng nứt vỉa thủy lực... Triển khai nghiên cứu, thử nghiệm và đưa vào ứng dụng các công nghệ nâng cao hệ số thu hồi dầu, coi đây là nhiệm vụ chính cho Chiến lược thăm dò khai thác trong thời gian tới. Trong đó, đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu và phân tích dữ liệu... để tối ưu hóa việc điều hành và quản trị các hoạt động, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực thăm dò khai thác.

Trong giai đoạn 2011 - 2019, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký được 24

Trên cơ sở Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về “Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và tình hình hoạt

động thực tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đang rà soát chiến lược phát triển các lĩnh vực cốt lõi, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thăm dò gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí, góp phần hiện thực hóa mục tiêu cung cấp năng lượng sơ cấp đến



Giàn xử lý trung tâm Hải Thạch (PQP-HT). Ảnh: Lê Khoa

hợp đồng dầu khí, có 31 phát hiện dầu khí mới, trong đó có một số phát hiện quan trọng làm thay đổi quan điểm tìm kiếm thăm dò dầu khí tại bể Nam Côn Sơn, Sông Hồng và Cửu Long, cũng như quan điểm tận thăm dò các đối tượng tại khu vực truyền thống.

Tuy nhiên theo TS. Trịnh Xuân Cường - Trưởng Ban Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí PVN, công tác tìm kiếm, thăm dò dầu khí đang đối diện với thách thức lớn khi các phát hiện gần đây đa số quy mô nhỏ, các đối tượng mới như bẫy địa tầng, bẫy phi cấu tạo có rủi ro cao.

Phần khá lớn tiềm năng dầu khí nằm ở khu vực nhạy cảm, nước sâu xa bờ, đòi hỏi công nghệ cao, chi phí lớn, gặp khó khăn trong việc thu hút đầu tư và ký hợp đồng dầu khí mới

trong khi nguồn vốn trong nước rất hạn chế, cơ chế chính sách, các điều khoản của hợp đồng chia sản phẩm (PSC) còn nhiều vướng mắc, không đủ hấp dẫn nhà đầu tư...

Trong khi đó, Quy chế tài chính Công ty mẹ - PVN chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt; cơ chế chính sách cho hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí chậm được sửa đổi, ban hành khiến lĩnh vực cốt lõi ngày càng khó khăn.

Hệ số bù trừ lượng (gia tăng trữ lượng/sản lượng khai thác dầu khí) trung bình trong giai đoạn 2011 - 2019 đạt 1,06; trong đó hệ số bù trừ lượng của dầu và condensate chỉ đạt 0,74 (có thời điểm năm 2017 chỉ đạt 0,13). Đây là thách thức rất lớn đối với công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí trong giai đoạn tới.

Trong điều kiện nhiều yếu tố không thuận lợi đan xen, các chuyên gia cho rằng để triển khai được các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chính phủ, các bộ/ngành cần sớm xem xét có cơ chế tạo nguồn vốn và cơ chế khấu trừ chi phí (write off) đối với hoạt động khoan thăm dò/thăm lượng, cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư đặc biệt cho các khu vực tiềm năng dầu khí hạn chế; tăng nguồn trích lập và mở rộng đối tượng sử dụng Quỹ Tìm kiếm Thăm dò Dầu khí, để thúc đẩy công tác điều tra cơ bản và tìm kiếm thăm dò. Đối với khu vực nước sâu xa bờ có tiềm năng dầu khí lớn, Chính phủ cần có giải pháp Quốc gia để có thể triển khai thực địa, trong đó khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Việt Hà



Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Ảnh: PVFCCo

XU HƯỚNG SỬ DỤNG HIỆU QUẢ NĂNG LƯỢNG TẠI CÁC NHÀ MÁY CHẾ BIẾN DẦU KHÍ

Tại Kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ 2017 - 2019, ngày 5/3/2020, Hội đồng Khoa học và Công nghệ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã xem xét, đánh giá hiện trạng và xu hướng sử dụng hiệu quả năng lượng các nhà máy lọc hóa dầu. Ngoài việc duy trì vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả, các đơn vị cần mạnh dạn đầu tư, cải hoán/nâng cấp để đột phá trong việc giảm tiêu thụ năng lượng; tiếp tục triển khai các chương trình nghiên cứu dài hạn liên quan đến tối ưu hóa trong sản xuất, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và phát triển bền vững.

Ban Công nghiệp khí và Lọc hóa dầu PVN cho biết, theo dự báo của một số tổ chức quốc tế (như IEA, Bloomberg), tốc độ tăng trưởng nhu cầu xăng dầu toàn cầu được dự báo giảm trong khoảng 10 - 20 năm tới do tiến bộ trong việc tiết kiệm nhiên liệu động cơ và sự thay thế bởi xe điện, nhiên liệu sạch; công suất các nhà máy lọc hóa dầu tăng khoảng 15% trong giai đoạn 2018 - 2040 từ 100 triệu thùng/

ngày lên khoảng 115 triệu thùng/ngày, dẫn đến dư thừa công suất lọc dầu. Do đó, xu hướng nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng năng lượng có hiệu quả là yêu cầu thiết yếu để các nhà máy lọc hóa dầu có thể tồn tại và cạnh tranh được.

Tại PVN, hoạt động tiết kiệm sử dụng năng lượng hiệu quả nằm trong chương trình tổng thể tối ưu hóa nâng cao hiệu quả hoạt động các nhà máy khâu sau gồm: Tối ưu chi phí, đa dạng hóa nguồn nguyên liệu/

năng lượng đầu vào; tìm kiếm nguồn nhiên liệu/năng lượng giá rẻ thay thế, sử dụng năng lượng tái tạo (mặt trời, gió, sinh khối...), tối ưu công tác thương mại mua nguyên liệu/năng lượng đầu vào; tối ưu, đa dạng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra: tối ưu cơ cấu sản phẩm, nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; thực hiện chương trình tối ưu, tiết kiệm năng lượng.

Việc thực hiện chương trình tối ưu, tiết kiệm năng lượng tại các nhà